

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 – 28

5-C
TY
t
ÁN
NA
ch

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tân Hòa thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tân Hòa thành Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2024 và 01/01/2024 là 50.000.000.000 VND tương đương với 5.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là THW và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Lập dự án các công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Khảo sát địa hình công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Tư vấn xây dựng. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn cho dự án liên quan kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đấu thầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn các loại vật liệu khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy đầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bệ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên, chủ yếu là dịch vụ phân phối nước sạch; phục vụ vận hành mạng lưới và giảm thất thoát nước; gắn mới đồng hồ nước, thay đồng hồ nước định kỳ trên địa bàn được phân công; thi công xây dựng công trình cấp nước, tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mười	Thành viên
Ông Lê Minh Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ
Bà Hoàng Thị Xuân Trang	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Mười	Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Lam	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Mười	Việt Nam	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Công bố Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



NGUYỄN MƯỜI

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 192/2024/BCSX-HCM.01495



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

1. Như đã nêu tại mục 5.18 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang sử dụng một phần diện tích đất và cơ sở hạ tầng trên đất tại 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (550 m²/2.495 m²) làm văn phòng công ty. Đây là khu đất do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") quản lý. Hiện tại, Công ty đang thực hiện di dời trụ sở về địa chỉ 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đang vướng thủ tục pháp lý về nhà đất.
2. Như đã nêu tại mục 5.18 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khu đất đặt trụ sở Công ty tại 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng từ năm 2015, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa ký hợp đồng thuê đất. Trong kỳ, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất với số tiền là 224.769.600 VND theo Thông báo nộp tiền số 65/TB-CCTP ngày 06 tháng 05 năm 2024 của Chi cục thuế Quận Tân Phú.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính này tại ngày 21 tháng 03 năm 2024. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng được soát xét bởi công ty kiểm toán này. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này tại ngày 26 tháng 07 năm 2023.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

LÊ HUỖNH BẢO

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2021-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.910.881.785	109.976.156.479
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.700.484.122	420.243.909
1. Tiền	111		6.700.484.122	420.243.909
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		55.000.000.000	52.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	55.000.000.000	52.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.461.518.224	42.327.184.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	15.986.927.051	38.574.015.811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.749.697.700	72.213.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.724.893.473	3.680.955.828
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	18.937.109.280	14.999.873.704
1. Hàng tồn kho	141		18.937.109.280	14.999.873.704
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.811.770.159	228.853.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.799.226.827	104.863.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	12.543.332	123.990.341
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.310.547.479	8.127.944.293
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.409.715.955	6.919.646.061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.709.947.343	4.750.324.115
- Nguyên giá	222		23.947.594.173	23.706.594.173
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.237.646.830)	(18.956.270.058)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.699.768.612	2.169.321.946
- Nguyên giá	228		7.799.824.000	7.799.824.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.100.055.388)	(5.630.502.054)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		900.831.524	1.208.298.232
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	834.148.028	1.141.614.736
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.10	66.683.496	66.683.496
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		110.221.429.264	118.104.100.772

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		54.649.339.247	57.996.766.192
I. Nợ ngắn hạn	310		54.649.339.247	57.996.766.192
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	21.242.555.558	31.696.287.368
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	4.712.269.109	878.277.841
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.201.070.746	4.010.601.853
4. Phải trả người lao động	314	5.14	17.189.630.974	15.883.147.966
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.933.471.796	1.931.692.123
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	5.370.341.064	3.596.759.041
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.572.090.017	60.107.334.580
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	55.572.090.017	60.107.334.580
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		93.553.000	93.553.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27.200.000)	(27.200.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.058.697.342	1.711.351.778
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.447.039.675	8.329.629.802
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.447.039.675	8.329.629.802
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		110.221.429.264	118.104.100.772



HỒ NGỌC PHỐI
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MÙƠI
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		72.841.835.414	79.210.092.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	72.841.835.414	79.210.092.770
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	61.908.552.714	68.707.565.190
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.933.282.700	10.502.527.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.233.899.036	1.357.361.291
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	8.300.609.484	8.197.036.337
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.866.572.252	3.662.852.534
11. Thu nhập khác	31	6.5	737.812.358	556.897.590
12. Chi phí khác	32	6.6	64.307.178	54.541.471
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		673.505.180	502.356.119
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.540.077.432	4.165.208.653
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.093.037.757	982.432.960
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.447.039.675	3.182.775.693
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	690	637

HỒ NGỌC PHÔI
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MƯỜI
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.540.077.432	4.165.208.653
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.750.930.106	1.462.713.818
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	-	-
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.233.899.036)	(1.360.831.719)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.057.108.502	4.267.090.752
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	21.802.773.949	10.218.174.237
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(3.937.235.576)	(1.017.176.670)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(6.740.332.058)	(5.569.361.291)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.386.896.483)	(2.155.218.839)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.539.339.667)	(1.485.331.405)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	154.930.000	60.220.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.364.832.215)	(2.754.378.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.046.176.452	1.564.018.408
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.174.175.000)	(806.044.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	13.955.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(41.000.000.000)	(16.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	38.000.000.000	13.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.408.238.761	592.816.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.765.936.239)	(3.199.272.553)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	6.280.240.213	(1.635.254.145)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	420.243.909	5.967.766.268
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	6.700.484.122	4.332.512.123

HỒ NGỌC PHÔI
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MƯỜI
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tân Hòa thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tân Hòa thành Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2024 và 01/01/2024 là 50.000.000.000 VND tương đương với 5.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là THW và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Lập dự án các công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Khảo sát địa hình công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Tư vấn xây dựng. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn cho dự án liên quan kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đầu thầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn các loại vật liệu khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy dầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bệ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên, chủ yếu là dịch vụ phân phối nước sạch; phục vụ vận hành mạng lưới và giám sát thoát nước; gắn mới đồng hồ nước, thay đồng hồ nước định kỳ trên địa bàn được phân công; thi công xây dựng công trình cấp nước, tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 307 người (tại ngày 31/12/2023 là 304 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là các khoản chi liên quan đến chi phí lắp đặt, sửa chữa, thi công hệ thống cấp nước còn dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong Báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.13 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ Công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Việt Nam	Cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Việt Nam	Cùng Tổng công ty
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	23.213.054	41.351.899
Tiền gửi ngân hàng - VND	6.677.271.068	378.892.010
	6.700.484.122	420.243.909

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	55.000.000.000	55.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000
	55.000.000.000	55.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000

Số dư tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có kỳ hạn từ 4 đến 12 tháng, lãi suất từ 3,3%/năm đến 6,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	15.899.187.215	38.408.303.097
Phải thu các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	87.739.836	165.712.714
	15.986.927.051	38.574.015.811

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Kỳ Nghỉ Vàng	708.570.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel	463.827.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Tân Bảy Sắc Cầu Vồng	200.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Đầu tư - Xây dựng Hưng An	48.285.000	48.285.000
Trả trước người bán khác	329.015.700	23.928.250
	1.749.697.700	72.213.250

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024 Giá trị VND	Dự phòng VND	01/01/2024 Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Thuế GTGT chưa kê khai	1.659.335.588	-	2.540.530.074	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	957.558.906	-	1.131.898.631	-
Tạm ứng nhân viên	107.998.979	-	8.467.979	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	59.144	-
	2.724.893.473	-	3.680.955.828	-

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2024 Giá gốc VND	Dự phòng VND	01/01/2024 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.623.323.122	-	14.526.011.527	-
Công cụ, dụng cụ	61.885.722	-	68.809.957	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	9.251.900.436	-	405.052.220	-
	18.937.109.280	-	14.999.873.704	-

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí gắn mới đồng hồ nước và thay định kỳ đồng hồ nước - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	6.383.917.295	-
Chi phí công tác giảm thất thoát nước - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	2.582.555.869	119.624.948
Công trình xây lắp khác	285.427.272	285.427.272
	9.251.900.436	405.052.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe	1.969.685.161	-
Chi phí đồng phục	771.041.666	-
Chi phí bảo trì phần mềm văn phòng	49.050.000	98.100.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.450.000	6.763.636
	2.799.226.827	104.863.636

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí phần mềm bản quyền	535.221.396	720.463.054
Chi phí trả trước dài hạn khác	298.926.632	421.151.682
	834.148.028	1.141.614.736

5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2024	612.250.160	9.784.584.050	5.160.467.480	8.149.292.483	23.706.594.173
Tăng trong kỳ	-	241.000.000	-	-	241.000.000
Tại 30/06/2024	612.250.160	10.025.584.050	5.160.467.480	8.149.292.483	23.947.594.173
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2024	612.250.160	7.627.603.662	5.160.467.480	5.555.948.756	18.956.270.058
Khấu hao trong kỳ	-	675.919.464	-	605.457.308	1.281.376.772
Tại 30/06/2024	612.250.160	8.303.523.126	5.160.467.480	6.161.406.064	20.237.646.830
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	-	2.156.980.388	-	2.593.343.727	4.750.324.115
Tại 30/06/2024	-	1.722.060.924	-	1.987.886.419	3.709.947.343

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 01/01/2024	612.250.160	3.235.989.650	5.160.467.480	1.799.609.793	10.808.317.083
Tại 30/06/2024	612.250.160	3.235.989.650	5.160.467.480	3.016.264.793	12.024.972.083

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại 01/01/2024	7.799.824.000
Tại 30/06/2024	7.799.824.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại 01/01/2024	5.630.502.054
Khấu hao trong kỳ	469.553.334
Tại 30/06/2024	6.100.055.388
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2024	2.169.321.946
Tại 30/06/2024	1.699.768.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 4.982.504.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.982.504.000 VND).

5.10 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn (*)	66.683.496	-	66.683.496	-
	66.683.496	-	66.683.496	-

(*) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn dùng để dự phòng sửa chữa hệ thống cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý.

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	17.894.559.366	17.894.559.366	17.913.858.880	17.913.858.880
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Các nhà cung cấp khác	3.347.996.192	3.347.996.192	13.782.428.488	13.782.428.488
	21.242.555.558	21.242.555.558	31.696.287.368	31.696.287.368

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước của các bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	3.586.522.299	-
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Bình Tân	151.341.500	151.341.500
Công ty Cổ phần Thiết kế - Xây dựng Phú Tân	271.938.000	271.938.000
Các khách hàng khác	702.467.310	454.998.341
	4.712.269.109	878.277.841

5.13 Thuế và các khoản (phải thu)/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2024	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT (*)	3.166.838.535	-	3.719.914.944	(6.083.144.141)	803.609.338	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	843.763.318	-	1.093.037.757	(1.539.339.667)	397.461.408	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(123.990.341)	1.208.518.702	(1.097.071.693)	-	(12.543.332)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	224.769.600	(224.769.600)	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
	4.010.601.853	(123.990.341)	6.250.241.003	(8.948.325.101)	1.201.070.746	(12.543.332)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

(*) Trong kỳ, thuế giá trị gia tăng phải nộp của Công ty chi tiết như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thuế GTGT đầu ra	5.874.314.187
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	(2.154.399.243)
Thuế GTGT phải nộp	3.719.914.944

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nước là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.540.077.432	4.165.208.653
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	570.378.756	746.956.147
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	5.110.456.188	4.912.164.800
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.022.091.238	982.432.960
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	70.946.519	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	1.093.037.757	982.432.960

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.14 Phải trả người lao động

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người lao động	16.885.730.974	14.957.512.046
Phải trả cán bộ quản lý	303.900.000	925.635.920
	17.189.630.974	15.883.147.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

5.15 Phải trả ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Cổ tức	1.950.000.000	-
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Thu hộ tiền nước	23.720.379	42.715
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Tiền thuê đất	-	525.800.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	-	190.753.012
Phải trả kinh phí hoạt động Đảng	86.377.703	23.891.637
Phải trả cổ tức	1.056.400.000	7.600.000
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.383.000	11.383.000
Bảo lãnh bảo hành	328.871.972	452.152.618
Nhận ký quỹ, ký cược	235.905.128	188.725.711
Các khoản phải trả khác	1.240.813.614	531.343.430
	4.933.471.796	1.931.692.123

5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2024 VND	Tăng do trích từ lợi nhuận	Nhận các quỹ trong kỳ VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2024 VND
Quỹ khen thưởng	2.491.224.657	2.297.342.119	59.080.000	(1.893.110.000)	2.954.536.776
Quỹ phúc lợi	1.105.534.384	2.297.342.119	95.850.000	(1.082.922.215)	2.415.804.288
Quỹ thưởng Ban điều hành và HĐQT	-	388.800.000	-	(388.800.000)	-
	3.596.759.041	4.983.484.238	154.930.000	(3.364.832.215)	5.370.341.064

5.17 Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	1.409.526.290	7.238.021.261	58.713.900.551
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.182.775.693	3.182.775.693
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	301.825.488	(301.825.488)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(3.937.395.773)	(3.937.395.773)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
Tại ngày 30/06/2023	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	1.711.351.778	3.182.775.693	54.960.480.471
Số dư tại 01/07/2023	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	1.711.351.778	3.182.775.693	54.960.480.471
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	5.146.854.109	5.146.854.109
Số dư tại 31/12/2023	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	1.711.351.778	8.329.629.802	60.107.334.580
Tại ngày 01/01/2024	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	1.711.351.778	8.329.629.802	60.107.334.580
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.447.039.675	3.447.039.675
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	347.345.564	(347.345.564)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.983.484.238)	(4.983.484.238)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
Tại ngày 30/06/2024	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	2.058.697.342	3.447.039.675	55.572.090.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/06/2024			01/01/2024		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	3.250.000	32.500.000.000	65,00	3.250.000	32.500.000.000	65,00
Các cổ đông khác	1.750.000	17.500.000.000	35,00	1.750.000	17.500.000.000	35,00
	5.000.000	50.000.000.000	100,00	5.000.000	50.000.000.000	100,00

5.17.3 Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.000	2.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000	2.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.998.000	4.998.000
Cổ phiếu phổ thông	4.998.000	4.998.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.17.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 006/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	: 2.998.800.000
Trích quỹ đầu tư phát triển; quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thưởng Ban điều hành và Hội đồng Quản trị	: 5.330.829.802

5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

- Công ty đang sử dụng một phần diện tích đất và cơ sở hạ tầng trên đất tại 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh làm văn phòng hoạt động. Đây là khu đất do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") quản lý. Hiện tại, Công ty đang thực hiện di dời trụ sở về địa chỉ 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đang vướng thủ tục pháp lý về nhà đất. Công ty chưa có cơ sở ước tính các chi phí liên quan đến công tác di dời này.
- Khu đất đặt trụ sở Công ty tại 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng từ năm 2015, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa ký hợp đồng thuê đất. Trong kỳ, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất với số tiền là 224.769.600 VND theo Thông báo nộp tiền số 65/TB-CCTTP ngày 06 tháng 05 năm 2024 của Chi cục thuế Quận Tân Phú.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	2.400.750.942	3.397.435.091
Doanh thu dịch vụ phân phối nước sạch	61.174.207.074	56.363.713.814
Doanh thu thay đồng hồ nước	8.110.587.729	18.219.363.142
Doanh thu gắn đồng hồ nước	766.730.748	1.047.949.292
Doanh thu khác	389.558.921	181.631.431
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	72.841.835.414	79.210.092.770

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	70.085.107.620	75.732.961.316
	70.085.107.620	75.732.961.316

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	1.772.983.428	2.363.470.320
Giá vốn quản lý dịch vụ phân phối nước sạch	50.943.290.452	47.099.521.072
Giá vốn thay đồng hồ nước	8.110.587.729	18.219.533.840
Giá vốn gắn đồng hồ nước	766.730.748	1.047.949.292
Giá vốn khác	314.960.357	(22.909.334)
	61.908.552.714	68.707.565.190

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.233.899.036	1.357.361.291
	1.233.899.036	1.357.361.291

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.619.928.625	4.850.198.016
Thuế, phí và lệ phí	228.769.600	228.769.600
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.451.911.259	3.118.068.721
	8.300.609.484	8.197.036.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thu nhập từ thu phí đóng mở nước	534.080.327	508.501.069
Thu nhập từ tiền thưởng	159.500.377	-
Thu nhập từ kiểm định đồng hồ nước	4.011.112	5.901.820
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	12.686.364
Thu nhập khác	40.220.542	29.808.337
	737.812.358	556.897.590

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí cấp vật tư bấm chi	30.140.599	53.890.364
Chi phí khác	34.166.579	651.107
	64.307.178	54.541.471

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	3.447.039.675	3.182.775.693
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	3.447.039.675	3.182.775.693
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	4.998.000	4.998.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VND/CP	690	637

(*) Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.384.630.775	17.336.197.505
Chi phí nhân công	55.983.242.744	53.071.115.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.750.930.106	1.462.713.818
Chi phí khác	5.718.206.789	7.747.150.385
	78.837.010.414	79.617.177.566

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lương, thưởng, thù lao			
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	488.923.507	467.056.167
Ông Nguyễn Mườì	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc	483.692.158	481.886.990
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên Hội đồng Quản trị	33.000.000	33.000.000
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên Hội đồng Quản trị	33.000.000	33.000.000
Ông Lê Minh Châu	Thành viên Hội đồng Quản trị	33.000.000	33.000.000
Bà Hoàng Thị Xuân Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	332.728.755	218.039.113
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc	352.206.091	338.867.878
Ông Nguyễn Trần Lam	Phó Giám đốc	339.806.255	294.895.729
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	318.746.154	305.585.835
		2.463.102.920	2.253.331.712

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên			
	Cung cấp dịch vụ phân phối nước sạch	61.174.207.074	56.363.713.814
	Thay, gắn đồng hồ nước	8.877.318.477	19.267.312.434
	Tư vấn quản lý dự án	33.582.069	117.503.250
	Thi công công trình	-	(15.568.182)
	Mua vật tư	6.983.650.450	11.704.798.434
	Chia cổ tức	1.950.000.000	1.950.000.000
	Mua dịch vụ	17.095.380	14.763.030
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn			
	Mua dịch vụ	18.286.050	16.193.325
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước			
	Mua dịch vụ	-	520.000

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên			
	Phải thu khách hàng	15.899.187.215	38.408.303.097
	Phải trả người bán	17.894.559.366	17.913.858.880
	Người mua trả tiền trước	3.586.522.299	-
	Phải trả khác - Cổ tức	1.950.000.000	-
	Phải trả khác - Thu hộ tiền nước	23.720.379	42.715
	Phải trả khác - Tiền thuê đất	-	525.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

7.2 Thông tin bộ phận

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ liên quan đến ngành nước cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (ngày 30 tháng 06 năm 2024) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỒ NGỌC PHÔI
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN MƯỜÌ
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024